

Bản án số: 16 / 2024/ HNGĐ - ST
Ngày: 14 - 5- 2024.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và ông Lê Thanh Thu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2024/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/ 2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 10/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Xóm C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Xóm 8, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Nguyễn Thị K, còn vắng mặt anh Nguyễn Văn T (anh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Nguyễn Thị K trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2020 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hòa thuận được một thời gian, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ăn chơi, không quan tâm đến vợ con, chị đã khuyên ngăn nhưng anh T không nghe nên dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, do mâu thuẫn nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã K, huyện Y để sinh sống. Chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên vào tháng 4 năm 2023 chị làm đơn xin ly hôn và Tòa án huyện Y đã thụ

lý và giải quyết, song chị K đã rút đơn để cho anh T có thêm thời gian sửa chữa khuyết điểm. Sau đó chị và anh T về đoàn tụ, nhưng anh T vẫn không thay đổi, nên chị K đã rón về nhà bố mẹ để chị để sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ ngày 25/10/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh T xác định không còn tình cảm với nhau nữa. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống cho đến nay chị và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 27/01/2020, hiện cháu đang ở cùng với chị K. Nay ly hôn chị K đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị.

Về con riêng, chị và anh T không ai có, nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị K xác định chị và anh T cho đến nay không có tài sản và công nợ, do vậy nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị K được tự do tìm hiểu và đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 10/8/2020 tại UBND xã K, huyện Y. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị K đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã K, huyện Y để sinh sống, do đó anh và chị K đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh và chị K không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị K có đơn xin ly hôn với anh và anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống cho đến nay anh và chị K có một con chung là cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 27/01/2020, hiện cháu đang ở cùng với chị K. Nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh được chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và anh không yêu cầu chị K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh. Về con riêng, anh và chị K không ai có, nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh xác định giữa anh và chị K cho đến nay không có tài sản và công nợ, do vậy nay ly hôn anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định. Việc anh T vắng mặt không có lý do, song đã được Tòa án triệu tập tới phiên tòa họp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị K xử cho ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con: giao cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 27/01/2020 cho chị Nguyễn Thị K được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị K. Về tài sản không có và không có yêu cầu, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị K có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T, có địa chỉ tại xã K, huyện Y. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Y, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 26/4/2024 có mặt chị Nguyễn Thị K còn anh Nguyễn Văn T, vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị K có mặt, còn anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và Nguyễn Văn T đã có thời gian tự do tìm hiểu, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2020 tại UBND xã K, huyện Y, quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc cho đến năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau nhiều lần, do mâu thuẫn, nên chị K đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị tại xã K, huyện Y để sinh sống và vợ chồng sống ly thân kể từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Nay chị K và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng về đoàn tụ, nay chị K xin ly hôn với anh T và anh T có quan điểm nhất trí ly hôn với chị K. Như vậy xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị K, cho chị K được ly hôn với anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị K và anh T cho đến nay có một con chung là cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 27/01/2020, hiện cháu đang do chị K nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị K và anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu N. Song xét thấy về điều kiện và quyền nuôi con của chị K và anh T là như nhau và chính đáng, song

do cháu N còn nhỏ nên cần đến sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, do vậy cần giao cháu N cho chị K được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu N cho chị K là phù hợp. Về con riêng, chị K và anh T không có và không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản:** Chị K và anh T đều xác định không có tài sản và công nợ nên không có yêu cầu do đó không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị K là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, đề sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị K xin ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị K ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 27/01/2020 cho chị Nguyễn Thị K được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị K.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình đề sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai BLTU/23 số 0001591 ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y .
- UBND xã K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung